

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47 /2021/HSST
Ngày 14/6/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Đình Đường.

2. Ông Lý Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 14/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/HSST, ngày 26/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/QĐXXST- HS, ngày 01/6/2021, đối với bị cáo:

Phạm Duy H, sinh ngày 24/10/1987, tại Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ X, phường S, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Quang H và bà Hà Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2004 bị TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, năm 2009 bị TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, năm 2011 bị TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, đến ngày 26/7/2013 chấp hành hình phạt xong; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/3/2021 đến ngày 13/3/2021 được tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn P, xã D, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1992;

Trú tại: Tổ Y, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/02/2021, Phạm Duy H gọi điện thoại cho Bùi Văn T (sinh năm 1987, trú tại thôn N, xã D, thành phố Bắc Kạn) đến đón H đi chơi. Khoảng 10 phút sau T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 97F4-53xx đến nhà H, sau đó H bảo T chở H đến khu vực Trường cao đẳng sư phạm Bắc Kạn. Khi đi đến trước cửa quán Karaoke CH thuộc tổ x, phường S, thành phố Bắc Kạn, thì H bảo T rẽ vào ngõ số XY đường N, đi được khoảng 30 mét H bảo T dừng xe để đi bộ và bảo T ra ngoài cổng trường Cao đẳng sư phạm đợi. H một mình đi bộ, khi đến khu phòng trọ của Hà Huy N (tên thường gọi là Hà Hoàng T), thuộc tổ XY, phường S, TP Bắc Kạn, thì H phát hiện thấy có 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng - xanh, biển kiểm soát 97F1-24xx của anh Nguyễn Đình C đang dựng trước cửa dãy phòng trọ của T, quan sát xung quanh không có ai ở gần đó nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. H tiến đến chiếc xe và sử dụng 01 (Một) chiếc chìa khóa xe mô tô có sẵn trong túi áo của mình cắm vào ổ khóa điện thì mở khóa được, H lùi xe đề nổ và nhanh chóng điều khiển xe đi theo hướng ra thành phố Bắc Kạn. Đi được một đoạn thì H điều khiển xe rẽ vào ngõ bên trái, đi theo đường dân sinh ra khu vực trường Q, rồi đi tiếp lên cầu D. Tại Cầu D, H gặp Bùi Văn T, H nói với T là xe của bạn H nhờ đi cầm cố và hỏi T chỗ cầm cố xe, nhưng T nói là không biết và T đi về nhà. H tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đi theo hướng Bắc Kạn - Cao Bằng. Khi đến tổ P, phường H, H rẽ vào phòng trọ của chị Triệu Thị T để tìm gặp bạn là Hà Hồng N (sinh năm 1979, trú tại bản Nà C, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, N là bạn trai của chị T). Tại đây, H mượn một chiếc cờ lê của Hà Hồng N để tháo biển số xe, rồi cất giấu gần đó. Sau đó H gọi điện cho Nguyễn Quốc C hỏi C về việc cầm cố xe, C đồng ý. H điều khiển chiếc xe mô tô đã trộm cắp được (đã tháo bỏ biển kiểm soát) đến cầm cố cho Nguyễn Quốc C được 1.400.000^d (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 08/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS 97F7-24xx, nhãn hiệu YAMAHA Srios màu sơn trắng xanh, sản xuất năm 2008, xe đã qua sử dụng có giá trị là 3.500.000^d (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSTPBK ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Phạm Duy H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Duy H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/3/2021 đến ngày 13/3/2021.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy những vật không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) áo khoác màu đen loại mũ liền áo đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc áo mưa màu xanh lá cây, loại sử dụng một lần và 01 (một) đôi dép nhựa màu trắng cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước của bị cáo 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại màn hình đen trắng đã qua sử dụng, có số seri 3552050571712xx, bên trong có gắn sim 0383.937.xxx là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Quá trình tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 28/02/2021, tại khu vực tổ XY, phường S, thành phố Bắc Kạn, Phạm Duy H đã có hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Đình C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng, xanh, biển kiểm soát 97F7-24xx, trị giá 3.500.000^d (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng), sau đó H mang đi cầm cố được số tiền 1.400.000^d (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng) và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Phạm Duy H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Phạm Duy H có nhân thân xấu, năm 2004 bị TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 2009 bị TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 2011 bị TAND thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 36 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”, đến ngày 26/7/2013 chấp hành hình phạt xong, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội; bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo” và “Đầu thú”, bị hại có

đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng và nguồn thu nhập ổn định nào, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại là anh Nguyễn Đình C đã nhận được tài sản là chiếc xe mô tô BKS 97F7- 24xx và các giấy tờ liên quan, nên anh C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Còn ông Nguyễn Quốc C là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô với giá là 1.400.000^d, nhưng ông C không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận trong bản án.

[5] *Về vật chứng:* Tịch thu tiêu hủy những vật không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) áo khoác màu đen loại mũ liền áo, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc áo mưa màu xanh lá cây, loại sử dụng một lần và 01 (một) đôi dép nhựa màu trắng cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước của bị cáo 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại màn hình đen trắng đã qua sử dụng, có số seri 3552050571712xx, bên trong có gắn sim 0383.937.xxx là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

[6] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Trong vụ án này ông Nguyễn Quốc C là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp được. Tuy nhiên, ông C không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với Bùi Văn T là người chở H đến khu vực tổ XY, phường S, thành phố Bắc Kạn sau đó H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bản thân T không biết việc H đi có mục đích trộm cắp tài sản, sau khi H trộm cắp được chiếc xe mô tô BKS 97F7- 24xx H cũng không nói cho T biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có, nên Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ xử lý.

Đối với Hà Hồng N là người đã cho H mượn cò lê để tháo biển kiểm soát, bản thân N không biết chiếc xe mô tô trên là xe do H trộm cắp mà có, nên Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1, *Tuyên bố:* Bị cáo Phạm Duy H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy H 17 (Mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/3/2021 đến ngày 13/3/2021.

2, *Về vật chứng*: - Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu đen loại mũ liền áo, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc áo mưa màu xanh lá cây, loại sử dụng một lần và 01 (một) đôi dép nhựa màu trắng cũ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại màn hình đen trắng đã qua sử dụng, có số seri 3552050571712xx, bên trong có gắn sim 0383.937.xxx là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn ngày 03/6/2021).

3, *Về biện pháp tư pháp*: - Áp dụng khoản 2 Điều 47/BLHS và Điều 194/BLDS.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc C không yêu cầu bị cáo Phạm Duy H phải bồi thường số tiền 1.400.000^d (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

4, *Về án phí*: - Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Duy H phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND thành phố;
- CQTHAHS Công an TP;
- CQCSĐT Công an TP;
- Chi cục THA thành phố;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Hồ sơ;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h 00' ngày 26 tháng 10 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Quỳnh và ông Lường Văn Thiết.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/TLST-HS ngày 17/8/2018. Đối với bị cáo Lăng Thị Huệ - sinh năm 1990, tại Bắc Kạn.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1, Về tội danh: Bị cáo Lăng Thị Huệ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2, Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3, Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lăng thị Huệ 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4, Các vấn đề khác:

** Về án phí:*

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lăng Thị Huệ phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Kim Quỳnh – Lường Văn Thiết

Vi Hồng Lễ

